

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2025
*“Kiện đòi tài sản; Bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Nai, ông Trần Hữu Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kon - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn Lê B, thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Ea D, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Văn S trình bày tóm tắt như sau:

Ngày 09 tháng 01 năm 1996, lúc bấy giờ ông Nguyễn Xuân V đang làm thủ quỹ Cơ quan ngoại thương, có giữ lại của ông số tiền 10.000.000đ để sau này trừ vào lãi trễ hạn cho các khoản tiền ứng trước để thu mua cà phê xuất khẩu. Nhưng ông giao hàng đúng thời hạn (Không bị trễ hạn). Sau đó, ông có yêu cầu ông V trả lại nhưng ông V không trả. Việc ông V chiếm dụng của ông 10.000.000đ đã làm cho ông bị đình chỉ công tác là do không trả được nợ, ông không nhận được tiền lương thôi việc khi cơ quan giải thể. Tổng cộng thiệt hại số tiền 190.000.000đ. Trong đó tiền thôi việc thiệt hại 100.000.000đ, tiền mất việc làm thất nghiệp trong 5 năm thiệt hại 90.000.000đ. Nên ông khởi kiện yêu cầu ông V trả lại 10.000.000đ, bồi thường số tiền 190.000.000đ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Xuân V trình bày tóm tắt:

Ông không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông S. Vì:

+ Số tiền 10.000.000đ là ông S nộp cho Chi nhánh ngoại thương (Công ty đầu tư xuất nhập khẩu) chứ không phải cho ông vay. Ông chỉ là thủ quỹ và ông có trách nhiệm thu chi theo chỉ đạo của lãnh đạo công ty. Sau đó, số tiền này đã được công ty trừ vào các khoản mà ông S có nghĩa vụ phải nộp.

+ Giả sử ông và công ty có nợ, thì tại sao trước đó lúc công ty đang hoạt động và ông đang công tác, thì ông S không đòi mà đến tận bây giờ (30 năm) mới khởi kiện.

+ Việc ông S nghỉ là do công ty với ông S, chứ không liên quan đến ông.

Tại Giấy ghi ngày 09 tháng 01 năm 1996 có nội dung tóm tắt:

Vinh nhận lại 10.000.000đ (Mười triệu) để sau khấu trừ lãi trễ hạn.

Tại Thông báo số 312/TB – CT ngày 09 tháng 6 năm 1998 của Công ty đầu tư xuất nhập khẩu – UBND tỉnh Đắk Lắk có nội dung tóm tắt:

1. Việc ông S trình bày thua lỗ trong thu mua cà phê cỡ 55 tấn là không đúng như phản ánh, Vì không có căn cứ, cơ sở. Về 55 tấn trên chứng từ đã thể hiện việc mua bán giữa ông S với Chi nhánh và Chi nhánh với Công ty. Đã giao hàng đầy đủ đúng theo thời hạn quy định trong một thời gian ngắn ông S đã mua được hàng và giá cả không có biến động tăng lớn.

Việc thua lỗ trong mua bán cà phê của ông S nếu có, đủ nguyên nhân nào ông S phải chịu trách nhiệm cá nhân vì việc mua bán phải theo phương thức của Công ty đã quy định.

2. Về giá giữa R1-2% và R2-5% như ông S trình bày trong đơn là chênh lệch 300 đ/kg là không đúng, vì trên chứng từ, phiếu chi tiền của Chi nhánh chứng minh thời điểm đó giá Chi nhánh mua của ông S chênh lệch là 600 đ/kg, giá Chi nhánh bán Công ty cũng chênh lệch 600 đ/kg.

3. Về chi trả chi phí giá công của Chi nhánh đối với ông S :

Chi nhánh thanh toán phí gia công cho xưởng ông S 120 đ/kg cà phê thành phẩm là phù hợp, vì ông S không phải nộp khấu hao nhà xưởng và thiết bị máy móc phục vụ gia công, chênh lệch 20 đ/kg Chi nhánh dùng để chi phí quản lý và khấu hao cơ bản. Các tài sản mà ông S đã sử dụng.

Việc ông S trước đây đồng ý để lại 20đ/kg ... mục đích để Chi nhánh chi phí giao tiếp, quà tết tại địa phương ... qua 3 đợt thanh toán phí gia công ông S để lại là 10.448.000 đồng. Sau khi ông S không làm gia công cà phê, Chi nhánh đã trả ông S 5 triệu đồng, còn lại 5.448.000 đồng.

Đến nay xét hoàn cảnh và công nợ của ông S, theo ý kiến của cá nhân đề nghị xin lại số tiền trên, yêu cầu Chi nhánh giải quyết trả ông S trên cơ sở Chi nhánh phải có nguồn và hạch toán đúng theo quy định về chế độ kế toán tài chính của Nhà nước.

4. Về nội dung ông S trình bày có để lại Chi nhánh 10 triệu đồng do thủ quỹ Chi nhánh giữ để dự phòng về thanh toán nợ giao hàng chậm chi phí hàng giao phải tái chế...(nếu có). Việc này qua xác minh, thẩm tra chứng từ, sổ sách và báo cáo cáo kết của thủ quỹ (ông Nguyễn Xuân V) là khẳng định không có nhận số tiền nêu trên. Việc ông S phản ánh là không có căn cứ để xét giải quyết.

5. Về việc đình chỉ công tác ông S:

Tại thông báo số 114/TB-CT ngày 25/2/1997 của Công ty, Chi nhánh có văn bản báo cáo Công ty ngày 10/3/1997 báo cáo về tình hình công nợ của ông S, Công ty có

Quyết định số 70/QĐ-CT ngày 20/3/1997 về việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng bộ phận đầu tư công nợ và cho nghỉ không hưởng lương đối với ông S để giải quyết công nợ của ông.

Như vậy việc Chi nhánh thực hiện đình chỉ công tác đối với ông S là đúng quy định của Nhà nước.

Trường hợp nếu ông S có cam kết thời gian thanh toán nợ dứt điểm đối với Chi nhánh và có tài sản để thế chấp đảm bảo được công nợ, yêu cầu Chi nhánh giải quyết việc làm cho ông S phù hợp với hoạt động của Chi nhánh. Đồng thời Chi nhánh: giải quyết cho ông S tạm ứng 50% lương cơ bản thời gian tối đa 3 tháng để tạo điều kiện ông S lo trả nợ dứt điểm cho Chi nhánh!

6. Về việc xây dựng thêm diện tích xưởng chế biến:

Khi xây dựng mở thêm diện tích xưởng chế biến, Chi nhánh không có phương án xây dựng mà do thỏa thuận giữa ông H và ông S, cá nhân ông S tự bỏ kinh phí để xây dựng với mục đích gia công.

Khi ông S bàn giao xưởng cho ông C, giữa Chi nhánh, ông S và ông C không có văn bản cụ thể thỏa thuận về trị giá phần xây dựng thêm và dụng cụ ông S đã mua sắm. Vì lúc đó các bên không xác lập văn bản nên không có căn cứ để giải quyết. Số tiền mà ông Sinh đã nhận của ông C về việc chi phí xây dựng thêm diện tích xưởng là thỏa đáng.

Riêng hai bên làm việc và một quạt gió công nghiệp của ông S mua sắm để lại hiện nay ông C đang quản lý và sử dụng, ông C có trách nhiệm trả ông S hoặc hai bên tự thỏa thuận việc thanh toán cho nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 584 của Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc ông V trả số tiền 200.000.000đ (Trong đó tiền vay 10.000.000đ, tiền thôi việc thiệt hại 100.000.000đ, tiền mất việc làm thất nghiệp trong 5 năm thiệt hại 90.000.000đ).

Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do ông S là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ông S khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền vay từ năm 1996, bồi thường thiệt hại do thôi việc. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Khiếu nại tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ông S làm đơn khởi kiện và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Ông V có hộ khẩu thường trú tại, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea H, tỉnh

Đắc Lắc căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

[3.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc ông V trả số tiền 10.000.000đ, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông S, ông V đều thừa nhận ngày 09 tháng 01 năm 1996, lúc bấy giờ ông V đang làm thủ quỹ và có nhận thay cho Công ty xuất nhập khẩu số tiền 10.000.000đ để khấu trừ dần vào các khoản trễ hạn. Như vậy không có việc ông V vay tiền của ông S. Hơn nữa nội dung này đã được giải quyết tại Thông báo số 312/TB – CT ngày 09 tháng 6 năm 1998 của Công ty đầu tư xuất nhập khẩu – UBND tỉnh Đắc Lắc.

[3.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc ông V bồi thường số tiền 190.000.000đ (Trong đó tiền thôi việc thiệt hại 100.000.000đ, tiền mất việc làm thất nghiệp trong 5 năm thiệt hại 90.000.000đ), thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Thông báo số 312/TB – CT ngày 09 tháng 6 năm 1998 của Công ty đầu tư xuất nhập khẩu – UBND tỉnh Đắc Lắc thể hiện nội dung giải quyết khiếu nại: Công ty cho ông S nghỉ là đúng quy định của Nhà nước. Sau khi nhận được thông báo và từ đó cho tới nay, ông S cũng không khiếu nại đối với Thông báo số 312. Mặt khác ông S khởi kiện yêu cầu ông V trả 190.000.000đ mà không có chứng cứ chứng minh.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên có đủ cơ sở khẳng định rằng việc ông S khởi kiện yêu cầu ông V trả 10.000.000đ và bồi thường số tiền 190.000.000đ là không có căn cứ. Do đó HĐXX không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông S mà ghi nhận ý kiến ông V và chấp nhận quan điểm đại diện Viện kiểm sát bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông S.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông S không được Tòa án chấp nhận, nên ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, do đó HĐXX miễn nộp toàn bộ án phí DSST cho ông S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều từ Điều 385 đến Điều 398; Điều 429; các điều từ Điều 463 đến Điều 468 và Điều 584 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn S về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân V trả số tiền 10.000.000đ, bồi thường tiền thôi việc thiệt hại 100.000.000đ, tiền mất việc làm thất nghiệp trong 05 năm thiệt hại 90.000.000đ.

2. Về án phí: Ông Võ Văn S được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Ông S có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea H;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng